ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7296/UBND-KT V/v báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất	*Bình Định, ngày 06 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện Văn bản số 8141/BTNMT-QHPTTNĐ ngày 25/9/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất; qua rà soát các nội dung liên quan, UBND tỉnh Bình Định báo cáo như sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg đến ngày 30/9/2023 *(cụ thể theo Phụ lục I đính kèm).*

2. Tổng hợp các quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo từng công trình, dự án và các công trình, dự án đã được thu hồi đất nhưng chưa được giao đất cho thuê đất từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/9/2023 *(cụ thể theo Phụ lục II đính kèm).*

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo và đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu sử dụng đất đã phân bổ cho tỉnh Bình Định tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 để có cở sở triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục QH&PTTNĐ;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT; NN&PTNT;
- Ban QL KKT tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K16, K19.

Số: 7296/UBND-KT
Thời gian ký: 09/10/2023 08:00:23 +07:00

Phụ lục I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN 30/9/2023 TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / / 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Số liệu thống kê đến 31/12/2022 (ha)	Kết quả thực hiện đến 30/9/2023 (số liệu thống kê đất đai) (ha)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	**Đất nông nghiệp**	**522.123**	**520.413**	**519.575**	
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	54.644	54.154	53.812	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*47.442*	*46.990*	*46.671*	
1.2	Đất rừng phòng hộ	177.188	176.967	176.946	
1.3	Đất rừng đặc dụng	32.979	32.979	32.979	
1.4	Đất rừng sản xuất	166.380	166.249	166.115	
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*50.537*	*50.532*	*50.537*	
2	**Đất phi nông nghiệp**	**75.075**	**77.024**	**77.939**	
	Trong đó:				
2.1	Đất khu công nghiệp	2.116	2.331	2.481	
2.2	Đất quốc phòng	6.549	6.538	6.595	
2.3	Đất an ninh	925	926	929	
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	21.221	22.622	22.729	
	Trong đó:				
-	Đất giao thông	11.641	12.316	12.408	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	101	101	101	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	139	139	134	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	819	826	831	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	200	201	202	
-	Đất công trình năng lượng	1.330	1.603	1.613	
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	10	10	10	
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	6	6	6	
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	170	170	172	
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	150	153	161	
3	**Đất chưa sử dụng**	**9.441**	**9.202**	**9.126**	
4	**Đất khu kinh tế**	**14.308**	**14.308**	**14.308**	
5	**Đất khu công nghệ cao**				
6	**Đất đô thị**	**52.400**	**54.164**	**54.164**	

Ghi chú: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đến 30/9/2023 tỉnh Bình Định chưa tính:

1. Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, qua tỉnh Bình Định, trong đó:
   - Đất trồng chuyên trồng lúa nước: 420,44ha.
   - Đất rừng phòng hộ: 37,96ha.
   - Đất trồng rừng sản xuất: 632,61ha.

Số: 7296/UBND-KT
Thời gian ký: 09/10/2023 08:01:07 +07:00

Phụ lục II

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CÁC SÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT NHƯNG CHƯA ĐƯỢC GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT
TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN 30/9/2023 TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / / 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Địa điểm (huyện, tx, tp)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ các loại đất: Đất nông nghiệp	Đất trồng lúa: Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng lúa nương	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp: Tổng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất làm muối	Đất nông nghiệp khác	Đất phi nông nghiệp	Đất quốc phòng	Đất an ninh	Đất khu công nghiệp	Đất cụm công nghiệp	Đất thương mại dịch vụ	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã: Tổng	Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất cơ sở văn hóa	Đất cơ sở y tế	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính VT	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	Đất có di tích lịch sử văn hóa	Đất bãi thải, xử lý chất thải	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	Đất chợ	Đất danh lam thắng cảnh	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức SN	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	Đất phi nông nghiệp khác	Đất chưa sử dụng	Đất bằng chưa sử dụng	Đất đồi núi chưa sử dụng	Núi đá không có rừng cây	Các Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất
					NNP	LUA	LUC	LUK	LUN	HNK	CLN	LNP	RPH	RDD	RSX	RSN	NTS	LMU	NKH	PNN	CQP	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DHT	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	DKG	DDT	DRA	TON	NTD	DKH	DXH	DCH	DDL	DSH	DKV	ONT	ODT	TSC	DTS	DNG	TIN	SON	MNC	PNK	CSD	BCS	DCS	NCS	
I	**CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT**			**813,36**	**565,42**	**205,56**	**192,24**	**13,32**		**64,50**	**170,20**	**119,36**	**17,03**		**102,33**		**4,10**	**1,28**	**0,42**	**185,05**	**0,71**	**0,56**		**7,17**	**0,01**	**7,50**		**14,36**	**58,96**	**27,48**	**8,89**	**0,63**	**8,42**	**0,53**		**0,91**						**12,09**						**0,15**	**5,81**	**2,74**	**1,56**	**1,07**	**0,32**	**0,03**	**75,47**	**7,30**	**0,04**	**62,88**	**22,25**	**40,63**		
1	Khu dân cư tại thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	ODT	Phù Cát	**1,51**	0,46	0,30	0,30			0,13	0,03									0,43									0,30	0,30																				0,10						0,03		0,62	0,62			Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất và giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng Khu dân cư tại thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát
2	Khu dân cư tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	ONT	Phù Cát	**14,31**	7,92	3,16	2,48	0,68		2,52	0,04						0,92	1,28		5,39									4,42	0,80	0,40											3,22							0,87							0,10		1,00	1,00			Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 17/03/2023 của UBND tỉnhvề việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng Khu dân cư tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát
3	Khu dân cư phía Nam Nhà văn hóa Cát Nhơn tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	ONT	Phù Cát	**0,60**	0,60	0,60		0,60												0,00									0,00		0,00																															Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 08/2/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng Khu dân cư phía Nam Nhà văn hóa Cát Nhơn tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát
4	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn huyện Phù Cát tại thôn Tân Xuân, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát	ONT	Phù Cát	**1,50**	1,34	1,34	1,34													0,15									0,15		0,11	0,04																										0,01	0,01			Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnhVề việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn huyện Phù Cát tại thôn Tân Xuân, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát
5	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn huyện Phù Cát tại thôn Khánh Phước, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát	ONT	Phù Cát	**0,50**	0,43	0,43	0,43													0,07									0,07	0,07																																Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn huyện Phù Cát tại thôn Khánh Phước, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát
6	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn huyện Phù Cát tại thôn Mỹ Hóa, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát	ONT	Phù Cát	**2,06**	1,76	1,61	1,08	0,53		0,15										0,27									0,27	0,25	0,02																											0,03	0,03			Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn huyện Phù Cát tại thôn Mỹ Hóa, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát
7	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn huyện Phù Cát tại thôn Hội Vân, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	ONT	Phù Cát	**0,98**	0,70	0,70	0,04	0,66												0,26									0,26	0,17	0,09																											0,02	0,02			Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn huyện Phù Cát tại thôn Hội Vân, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát
8	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn huyện Phù Cát tại thôn Hòa Đại, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	ONT	Phù Cát	**1,79**	1,70	1,65	0,35	1,30		0,05										0,08									0,08	0,08																												0,01	0,01			Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn huyện Phù Cát tại thôn Hòa Đại, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát
9	Khu dân cư khu Đông Nam ngã ba đường Quốc lộ 19B - đường ĐT.640, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát	ODT	Phù Cát	**4,50**	4,10	4,10	4,06	0,04												0,39									0,39	0,20	0,19																											0,01	0,01			Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 28/5/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng Khu dân cư khu Đông Nam ngã ba đường Quốc lộ 19B - đường ĐT.640, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát □
10	Điểm dân cư tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	ONT	Phù Cát	**0,08**	0,08						0,08																																																			Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng điểm dân cư tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát
11	Khu dân cư phía Đông nhà máy nước sạch thị trấn Ngô Mây tại xã Cát Trinh, huyện Phù Cát	ONT	Phù Cát	**0,91**	0,43	0,43	0,43													0,34									0,34	0,16	0,01											0,17																0,14	0,14			Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng Khu dân cư phía Đông nhà máy nước sạch thị trấn Ngô Mây tại xã Cát Trinh, huyện Phù Cát
12	Khu dân cư thôn Chánh Danh, xã Cát Tài, huyện Phù Cát	ONT	Phù Cát	**2,30**	1,79	1,78	1,78			0,01										0,51									0,02	0,01	0,01																		0,49													Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát để xây dựng Khu dân cư thôn Chánh Danh, xã Cát Tài, huyện Phù Cát
13	Khu dân cư Bờ Hiên tại thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước	ODT	Tuy Phước	**1,99**	1,65	1,65	1,65													0,34									0,34	0,32	0,01											0,01																				Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước để xây dựng Khu dân cư Bờ Hiên tại thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước
14	Khu tái định cư phục vụ dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa phận huyện Tuy Phước	ONT	Tuy Phước	**5,03**	4,34					4,34										0,68									0,68	0,47												0,21																0,01	0,01			Quyết định số 3447/QĐ-UBND ngày18/9/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước để xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa phận huyện Tuy Phước (giai đoạn 1) tại xã Phước An, huyện Tuy Phước
15	Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tuy Phước tại xã Phước Nghĩa và xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước □	CQP	Tuy Phước	**53,46**	12,88							12,88			12,88																																											40,58		40,58		Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 16/05/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định để xây dựng Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tuy Phước tại xã Phước Nghĩa và xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước □
16	Nhà làm việc Công an xã Cát Khánh tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	CAN	Phù Cát	**0,23**																																																						0,23	0,23			Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Công an tỉnh tỉnh Bình Định để xây dựng Nhà làm việc Công an xã Cát Khánh tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát
17	Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Phù Cát tại xã Cát Trinh, huyện Phù Cát	CQP	Phù Cát	**4,04**	4,04	4,04	4,04																																																							Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định để xây dựng Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Phù Cát tại xã Cát Trinh, huyện Phù Cát
18	Khu dân cư Tây Nam thị trấn Tuy Phước tại thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước	ODT	Tuy Phước	**8,34**	7,29	7,20	7,20												0,09	1,05									0,72	0,24	0,29											0,19								0,33												Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước để xây dựng Cơ sở hạ tầng khu Tây Nam thị trấn Tuy Phước tại thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước
19	Khu dân cư xã Phước An	ONT	Tuy Phước	**1,62**	0,85	0,32	0,13	0,19		0,35	0,18									0,72	0,71								0,01	0,01																												0,05	0,05			Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 05/04/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước để xây dựng Khu dân cư tại xã Phước An, huyện Tuy Phước
20	Khu dân cư phục vụ tái định cư tuyến đường kết nối Trung âtm TX. An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại tại xã Phước Hiệp	ONT	Tuy Phước	**1,05**	0,99	0,99	0,99													0,06									0,06		0,05					0,01																										Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước để xây dựng Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án tuyến đường kết nối Trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại tại xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước
21	Khu dân cư Đông Bắc Phước Hoà và xã Phước Thắng	ONT	Tuy Phước	**8,94**	8,56	8,56	8,56													0,38						0,06			0,32	0,07	0,15											0,10																				Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước để xây dựng Khu dân cư Đông Bắc Phước Hoà tại xã Phước Hoà và xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước
22	Khu dân cư xã Phước Hưng	ONT	Tuy Phước	**1,75**	1,56	1,50	1,50			0,06										0,19									0,19	0,19																																Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 17/03/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước để xây dựng Khu dân cư tại xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước
23	Khu dân cư xã Phước Sơn	ONT	Tuy Phước	**2,66**	1,85	1,56	1,56			0,27	0,02									0,73									0,09	0,01	0,01			0,06								0,01							0,63			0,01						0,08	0,08			Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 22/09/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước để xây dựng các điểm khu dân cư tại xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước
24	Khu dân cư xã Phước Quang	ONT	Tuy Phước	**0,81**	0,53	0,43	0,43			0,10										0,20									0,01	0,01																										0,19		0,08	0,08			Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 20/04/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước để xây dựng Khu dân cư tại xã Phước Quang, huyện Tuy Phước
25	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	ONT	Tuy Phước	**21,30**	18,47	18,28	18,28			0,16							0,03			2,82									2,82	2,00	0,75											0,07																0,01	0,01			Quyết định số 3419/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất, cho thuê đất (đợt 1) cho Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt để thực hiện dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
26	Trạm biến áp 110kV Đống Đa và đấu nối tại xã Phước Lộc, thị trấn Diêu Trì, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước	DNL	Tuy Phước	**0,25**	0,24	0,23	0,23			0,01										0,01									0,01		0,01																															Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 27/2/2023 của UBND tỉnh Về việc cho Công ty Điện lực Bình Định thuê đất để xây dựng các móng trụ đường dây 110kV thuộc dự án Trạm biến áp 110kV Đống Đa và đấu nối tại xã Phước Lộc, thị trấn Diêu Trì, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước
27	Mỏ đất làm vật liệu san lấp	SKX	Phù Cát	**3,52**	3,52							3,52			3,52																																															Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Về việc cho Công ty TNHH Đinh Phát thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Cát Tường, huyện Phù Cát (đợt 1)
28	Mỏ đất làm vật liệu san lấp	SKX	Phù Cát	**11,05**	11,02							11,02			11,02					0,03									0,03	0,03																																Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 của UBND tỉnh Về việc cho Công ty TNHH Đinh Phát thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Cát Tường, huyện Phù Cát (đợt 2)
29	Nhà máy sản xuất viên nén gỗ (Wood Pellet) Nguyệt Anh tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	SKC	Phù Cát	**4,94**	4,94						4,94																																																		Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 17/08/2023 của UBND tỉnh Về việc cho Công ty cổ phần Nguyệt Anh thuê đất để xây dựng Nhà máy sản xuất viên nén gỗ (Wood Pellet) Nguyệt Anh tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát
30	Mỏ đất làm vật liệu xây dựng thông thường	SKX	Phù Cát	**3,62**	3,62							3,62			3,62																																															Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh Về việc cho Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Tổng hợp Khánh Hưng thuê đất để khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát tô) tại xã Cát Hải, huyện Phù Cát
31	Khu dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	ONT	Phù Cát	**10,05**	2,96	0,13	0,10	0,03		0,01	2,82									7,02						0,12			6,90	0,12			6,77			0,01																						0,07	0,07			Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Về việc giao đất, cho thuê đất (đợt 1) cho Công ty TNHH Onsen Hội Vân để thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát
32	Mỏ khai thác khoáng sản	SKS	Phù Cát	**23,00**	23,00							23,00			23,00																																															Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh Về việc cho Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định thuê đất để khai thác các khoáng vật nặng titan – zircon tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát
33	Mỏ đất làm vật liệu xây dựng thông thường	SKX	Phù Cát	**1,00**	1,00							1,00			1,00																																															Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh Về việc cho Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại và Dịch vụ Tín Thành thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp có thu hồi đá khối làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát
34	Mỏ đất làm vật liệu xây dựng thông thường	SKX	Tuy Phước	**5,40**	5,40							5,40			5,40																																															Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh Về việc cho Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Mỹ Quang thuê đất để khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước (đợt 2)
35	Mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường	SKX	Tuy Phước	**4,30**																																																						4,30	4,30			Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Phú Hiệp thuê đất để khai thác cát nhiễm mặn tại khu vực sông Hà Thanh, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước và phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn
36	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn tỉnh, tại xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn (đợt 1)	ONT	Tây Sơn	**1,77**	1,60					1,603										0,17									0,14	0,065												0,070							0,031									0,01	0,005			Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tây Sơn để đầu tư xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn tỉnh, tại xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn (đợt 1)
37	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn tỉnh, tại xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn	ONT	Tây Sơn	**6,26**	5,67	5,66	5,661			0,013										0,56									0,55	0,248	0,181											0,124														0,009		0,02	0,024			Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tây Sơn để đầu tư xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn tỉnh, tại xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn
38	Khu tái định cư xã Bình Tường phục vụ dự án Tuyến đường tránh Nam thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn	ONT	Tây Sơn	**1,40**	1,34	1,34	1,345													0,06									0,06	0,009	0,047																															Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tây Sơn để đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Bình Tường phục vụ dự án Tuyến đường tránh Nam thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn
39	Khu tái định cư xã Tây Phú phục vụ dự án Tuyến đường tránh Nam thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn	ONT	Tây Sơn	**1,71**	1,60	1,60	1,598													0,11									0,11	0,047	0,061																															Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tây Sơn để đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Tây Phú phục vụ dự án Tuyến đường tránh Nam thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn
40	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, xã Bình Hòa và thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn	SKX	Tây Sơn	**21,83**																21,83																																				21,834							Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty cổ phần đầu tư Phú Hưng Hà Nội thuê đất để khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, xã Bình Hòa và thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn
41	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại thôn Dõng Hòa, xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn	TMD	Tây Sơn	**0,30**	0,30	0,30	0,296																																																							Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh về việc cho Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Mười Đức thuê đất để xây dựng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại thôn Dõng Hòa, xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn

42	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn	SKX	Tây Sơn	**3,84**	3,84							3,84			3,839																																													Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất và cho Công ty TNHH Huy Hoàng Thiện thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn
43	Trụ sở làm việc tại thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn	DTS	Tây Sơn	**0,04**																0,04																															0,038										Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh về việc cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tây Sơn thuê đất để làm Trụ sở làm việc tại thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn
44	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Bình và xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	SKX	Tây Sơn	**4,03**																4,03																																		4,030							Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Gạch không nung Phương Thảo thuê đất để khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Bình và xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn
45	Trụ sở làm việc tại thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn	SKX	Tây Sơn	**0,03**																0,03																															0,031										Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh về việc cho cho Ban Quản lý Cấp và Thoát nước huyện Tây Sơn thuê đất để làm Trụ sở làm việc tại thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn
46	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn	SKX	Tây Sơn	**3,00**																3,00																																		3,000							Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 08/4/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Xây dựng Hà Oanh thuê đất để khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn
47	Nhà máy sản xuất gạch, ngói không nung tại CCN Phú An (giai đoạn 2), xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn	SKN	Tây Sơn	**2,11**	1,89					0,494	1,397									0,22																													0,220													Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất và cho Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Hiếu Ngọc thuê đất để xây dựng Nhà máy sản xuất gạch, ngói không nung tại Cụm Công nghiệp Phú An (giai đoạn 2), xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn
48	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Bình, huyện Tây Sơn	SKX	Tây Sơn	**0,74**																0,74																																		0,739							Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH MTV Thành Quý Bình Định thuê đất để khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Bình, huyện Tây Sơn
49	Nhà máy sản xuất phân vi sinh tại xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	SKC	Tây Sơn	**1,14**																1,14						1,144																																			Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Thái An Bình Định thuê đất để làm Nhà máy sản xuất phân vi sinh tại xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn
50	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ 147, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn phục vụ thi công tuyến đường kết nối QL19 với QL19B thuộc Dự án Đập dâng Phú Phong	SKX	Tây Sơn	**4,98**	4,88						4,880									0,10									0,10	0,104																															Quyết định số 3388/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Hiếu Ngọc thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ 147, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn phục vụ thi công Tuyến đường kết nối Quốc lộ 19 với Quốc lộ 19B thuộc dự án Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn
51	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật phần mở rộng CCN Gò Cầy, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn (Đợt 1)	SKN	Tây Sơn	**41,19**	26,45					23,729	2,717									8,67									2,74	0,772	1,484											0,487							0,112						5,816		6,07	6,074			Quyết định số 3425/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ thuê đất (Đợt 1) để Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật phần mở rộng Cụm công nghiệp Gò Cầy, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn
52	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong quá trình thực hiện Dự án Đập dâng Phú Phong tại sông Kôn, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn	SKX	Tây Sơn	**15,36**																15,36																																		15,362							Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty cổ phần Xây dựng 47 thuê đất để khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong quá trình thực hiện Dự án Đập dâng Phú Phong tại sông Kôn, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn
53	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ thi công gói thầu số 12-XL (đoạn tuyến Km50+465 – Km64+220), Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại khu vực sông Kôn, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	SKX	Tây Sơn	**5,48**																5,48																																		5,481							Quyết định số 3591/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc cho cho Công ty TNHH Nhật Minh thuê đất để khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ thi công gói thầu số 12-XL (đoạn tuyến Km50+465 – Km64+220), Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại khu vực sông Kôn, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn
54	Khu dân cư đoạn lò gạch cũ sau nhà ông Võ Ngọc Sáng, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh	ODT	Vĩnh Thạnh	**0,21**	0,19	0,18	0,176			0,015																																														0,02	0,018			Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh để đầu tư xây dựng Khu dân cư đoạn lò gạch cũ sau nhà ông Võ Ngọc Sáng, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh
55	Trụ sở làm việc tại thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh	DTS	Vĩnh Thạnh	**0,18**																0,18																															0,182										Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh về việc cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh thuê đất để làm Trụ sở làm việc tại thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh
56	Nhà máy chế biến và bảo quản gỗ tại CCN Tà Súc (giai đoạn 2), xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh	SKN	Vĩnh Thạnh	**1,01**																																																				1,01	1,007			Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất và cho Công ty TNHH Đầu tư tổng hợp Vĩnh Thạnh thuê đất để xây dựng Nhà máy chế biến và bảo quản gỗ tại Cụm Công nghiệp Tà Súc (giai đoạn 2), xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh
57	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ VT01 thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh (đợt 1)	SKX	Vĩnh Thạnh	**1,68**	1,68							1,68			1,685																																													Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Xây dựng Thùy Dương thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ VT01 thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh (đợt 1)
58	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ VT01 thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh (đợt 2)	SKX	Vĩnh Thạnh	**1,26**	1,26							1,26			1,264																																													Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Xây dựng Thùy Dương thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ VT01 thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh (đợt 2)
59	Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát giao thông (đợt 1)	CAN	TP Quy Nhơn	**0,86**																0,86						0,860																																			Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Công an tỉnh Bình Định để xây dựng Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát giao thông tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn
60	Doanh trại Đại đội cảnh sát cơ động	CAN	TP Quy Nhơn	**1,20**	1,20					1,200																																																		Quyết định số 2667/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Công an tỉnh Bình Định để xây dựng Doanh trại Đại đội cảnh sát cơ động tại Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn
61	Trụ sở làm việc Công an phường Đống Đa	CAN	TP Quy Nhơn	**0,07**																																																				0,07	0,070			Quyết định số 3411/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Công an tỉnh Bình Định để xây dựng Trụ sở làm việc Công an Phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn
62	Nhà ở thuộc quy hoạch Khu thiết chế công đoàn tỉnh Bình Định (Nhà ở xã hội)	ODT	TP Quy Nhơn	**3,76**																																																				3,76	3,760			UBND tỉnh đã có Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Cơ điện IEC để thực hiện dự án Nhà ở thuộc quy hoạch Khu thiết chế công đoàn tỉnh Bình Định (Nhà ở xã hội) tại Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn
63	Mở rộng cơ sở sinh hoạt tôn giáo	TON	TP Quy Nhơn	**0,06**	0,06	0,05		0,050		0,010																																																		Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Nhà thờ Nhơn Mỹ để xây dựng mở rộng cơ sở sinh hoạt tôn giáo tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn
64	Trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn	TSC	TP Quy Nhơn	**0,12**																																																				0,12	0,120			Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để xây dựng Trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn
65	Trụ sở làm việc (theo phương án sắp xếp nhà đất tại Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 14/6/2023)	DTS	TP Quy Nhơn	**0,32**																0,32																																0,320									Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Trung tâm Khuyến nông Bình Định để làm Trụ sở làm việc tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn
66	Nhà máy chế biến lâm sản (CCN Bùi Thị Xuân)	SKN	TP Quy Nhơn	**1,02**																1,02				1,020																																					Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Hưng Duyên thuê đất để xây dựng Nhà máy chế biến lâm sản tại Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn
67	Điểm bưu điện văn hóa xã Phước Mỹ	DBV	TP Quy Nhơn	**0,02**																																																				0,02	0,020			Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh về việc cho Bưu điện tỉnh Bình Định thuê đất để xây dựng Điểm Bưu điện văn hóa xã Phước Mỹ tại xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn
68	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ 231 (GP 21/GP-UBND ngày 21/02/2023, phục vụ cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh)	SKX	TP Quy Nhơn	**2,70**	2,65							2,65			2,650																																										0,05		0,050		Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi và cho Công ty TNHH Hải Dương thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn
69	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN03 (GP 29/GP-UBND ngày 14/3/2023, phục vụ cho Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh)	SKX	TP Quy Nhơn	**0,77**	0,77						0,770																																																			Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Dacinco thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn
70	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ 231 (GP 20/GP-UBND ngày 21/02/2023, phục vụ cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh)	SKX	TP Quy Nhơn	**5,70**	5,70							5,70			5,700																																													Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 29/4/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi và cho Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Hoàng Minh thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn
71	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN03 (GP 69/GP-UBND ngày 26/4/2023, gia hạn, phục vụ cho Ban QLDA Giao thông tỉnh)	SKX	TP Quy Nhơn	**3,50**																3,50								3,500																																		Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Đình Phát gia hạn thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn
72	Mở rộng Bệnh viện mắt Bình Định	DYT	TP Quy Nhơn	**0,23**																0,23						0,230																																			Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND tỉnh về việc cho Bệnh viện Mắt Bình Định thuê đất để xây dựng Mở rộng Bệnh viện Mắt Bình Định tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn
73	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ núi Đá Đen (GP 30/GP-UBND ngày 14/33/2023, đấu giá)	SKX	TP Quy Nhơn	**13,50**	13,50							13,50			13,500																																													Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty Cổ phần Xây dựng TC Bình Định thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn
74	Thuê đất đang sử dụng làm nhà làm việc (văn phòng giao dịch)	DTS	TP Quy Nhơn	**0,30**																0,30																															0,300										Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 của UBND tỉnh về việc cho Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định thuê đất đang sử dụng để làm Nhà làm việc (Văn phòng giao dịch) tại Phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn
75	khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN03 (GP số 92/GP-UBND ngày 24/5/2023, Ban QLDA Giao thông tỉnh)	SKX	TP Quy Nhơn	**12,43**	12,43							12,43	12,430																																															Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi và cho Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Hiếu Ngọc thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn
76	khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN03 (GP số127/GP-UBND ngày 11/7/2023, Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp)	SKX	TP Quy Nhơn	**2,10**	2,10							2,10	2,098																																															Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất và cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Dacinco thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn
77	Trạm biến áp 110KV Cảng Quy Nhơn và đấu nối tại phường Hải Cảng, Nhơn Bình, Đống Đa, thành phố Quy Nhơn	DNL	TP Quy Nhơn	**0,32**	0,08	0,08	0,080													0,24						0,240																																			Quyết định số 3270/QĐ-UBND ngày 01/9/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty Điện lực Bình Định thuê đất để làm Trạm biến áp 110KV Cảng Quy Nhơn và đấu nối tại phường Hải Cảng, Nhơn Bình, Đống Đa, thành phố Quy Nhơn
78	khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN03 (GP số147/GP-UBND ngày 01/8/2023, Ban GPMB tỉnh)	SKX	TP Quy Nhơn	**2,50**	2,50							2,50	2,500																																															Quyết định số 3561/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất và cho Công ty CP Dịch vụ thương mại và Đầu tư IDV thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn
79	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Long Vân (khu A2)	ODT	TP Quy Nhơn	**10,72**	9,75	8,21	2,829	5,378		1,542										0,91									0,81	0,563												0,244								0,106								0,05	0,053			Quyết định số 690QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh để xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Long Vân (khu A2) tại Phường Trần Quang Diệu, thành Quy Nhơn
80	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất Xí nghiệp Song mây xuất khẩu, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	ODT	TP Quy Nhơn	**1,91**																1,91						0,958			0,42	0,420																				0,030		0,506										Quyết định số 1408QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh để xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất Xí nghiệp Song mây xuất khẩu, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tại Phường Quang Trung, thành Quy Nhơn
81	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (gia hạn tại GP số 05/GP-UBND ngày 17/01/2023)	SKX	Vân Canh	**2,73**																2,73																																		2,730							Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nắng Ban Mai thuê đất để khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Canh Hiển, huyện Vân Canh
82	Khai thác đất làm vật liệu san lấp (GP số 79/QĐ-UBND ngày 15/5/2023)	SKX	Vân Canh	**1,94**	1,94							1,94			1,935																																													Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Hoàng Minh thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh
83	Khai thác đất làm vật liệu san lấp (GP số 162/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)	SKX	Vân Canh	**2,34**	2,34							2,34			2,341																																													Quyết định số 3389/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Dacinco thuê đất để khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh
84	Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (GP số 166/GP-UBND ngày 25/8/2023)	SKX	Vân Canh	**2,00**																2,00																																		2,000							Quyết định số 3400/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quy Nhơn thuê đất để khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Canh Hiển, Canh Hiệp, huyện Vân Canh
85	Điểm tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Khu dân cư Phúc Gia Tân	ODT	TX Hoài Nhơn	**0,04**	0,04					0,04	0,01																																																			Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 19/01/2023
86	Khu dân cư tại xã Hoài Hải	ONT	TX Hoài Nhơn	**1.62**	1.52												1.52			0.01									0.01													0,01																0.09	0.09			Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 13/6/2023
87	Khu dân cư tại thôn Lương Thọ 3, xã Hoài Phú	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.37**	0.37	0.37	0.37																																																						Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 16/3/2023
88	Khu dân cư khu phố Giao Hội 2, phường Hoài Tân	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.61**	0.52	0.16	0.16			0.37										0.09									0.09	0.09																																Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 16/3/2023
89	Khu dân cư khu phố Tăng Long 1, phường Tam Quan Nam	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.49**	0.42	0.42	0.42													0.07									0.05	0.05																											0.02					Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/3/2023
90	Khu tái định cư tại khu phố Tăng Long 2, phường Tam Quan Nam	ODT	TX Hoài Nhơn	**1,01**	0,06					0,04	0,02									0,63									0,03	0,03																					0,60							0,31	0,31			Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 27/3/2023
91	Khu dân cư tại xã Hoài Sơn	ONT	TX Hoài Nhơn	**1.36**	1.35	0.53	0.53			0.82										0.00									0.00	0.00																												0.00	0.00			Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 3/4/2023
92	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu dân cư Phú Mỹ Lộc	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.04**	0.00	0.00	0.00													0.04									0.00	0.00																				0.04												Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 20/4/2023
93	Khu tái định cư phường Hoài Thanh Tây phục vụ dự án Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn tại khu phố Tài Lương 1 và khu phố Ngọc An Trung	ODT	TX Hoài Nhơn	**1,75**	1,44	1,17	1,17			0,28										0,30									0,22	0,07												0,14								0,03						0,05						Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 7/6/2023
94	Điểm tái định cư phường Hoài Tân	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.06**																0.06																														0.06												Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 7/6/2023
95	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại xã Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 3)	ONT	TX Hoài Nhơn	**0,22**	0,20	0,20	0,20													0,02									0,02	0,02																																Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 7/6/2023
96	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại xã Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 4)	ONT	TX Hoài Nhơn	**0,48**	0,43					0,43										0,06									0,06	0,06																																Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 7/6/2023
97	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 2)	ONT	TX Hoài Nhơn	**1,57**	1,48	1,48	1,48													0,09									0,09	0,09																																Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 7/6/2023
98	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 12)	ODT	TX Hoài Nhơn	**0,90**	0,79	0,74	0,74			0,04										0,11									0,11	0,10												0,01																0,01	0,01			Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 7/6/2023
99	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 tại phường Hoài Hảo, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 07)	ODT	TX Hoài Nhơn	**3,03**	2,74	1,28	1,28			1,41	0,05									0,29									0,25	0,25												0,01								0,04												Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 12/6/2023

100	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 01)	ONT	TX Hoài Nhơn	**1,56**	1,23	1,23	1,23													0,33									0,33	0,33																																Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 12/6/2023
101	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 01) - đợt 2	ONT	TX Hoài Nhơn	**0,01**	0,01	0,01	0,01																																																								Quyết định số 3483/QĐ-UBND ngày 19/9/2023
102	Điểm dân cư khu phố Mỹ An 2, phường Hoài Thanh	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.09**	0.09						0.09																																																				Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 12/6/2023
103	Điểm dân cư khu phố Vĩnh Phụng 2, phường Hoài Xuân	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.19**	0.18					0.16	0.02																																													0.00	0.00		Quyết định số 2132 /QĐ-UBND ngày 13/6/2023
104	Điểm dân cư khu phố Hòa Trung 2, phường Hoài Xuân	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.36**	0.36	0.31	0.31			0.04																																																				Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 12/6/2023
105	Khu tái định cư vùng thiên tai Bàu Rong, phường Bồng Sơn	ODT	TX Hoài Nhơn	**2.51**	2.40	2.31	2.31			0.09									0.11									0.11	0.11																																Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 14/6/2023
106	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 tại xã Hoài Phú, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 5)	ONT	TX Hoài Nhơn	**3,00**	2,62	2,62	2,62													0,37									0,35	0,35																											0,02		0,01	0,01		Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
107	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 tại xã Hoài Phú, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 6)	ONT	TX Hoài Nhơn	**2,88**	2,50	2,26	2,26			0,24									0,37									0,37	0,37																													0,02	0,02		Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
108	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 08)	ODT	TX Hoài Nhơn	**1,40**	0,70	0,52	0,52			0,18	0,01								0,70									0,08	0,08																											0,62					Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
109	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 08) - đợt 2	ODT	TX Hoài Nhơn	**0,01**	0,01						0,01																																																				Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 19/9/2023
110	Khu dân cư Tây Bắc chợ Bồng Sơn (giai đoạn 2 – đợt 3), phường Bồng Sơn	ODT	TX Hoài Nhơn	**0,69**	0,51	0,45	0,45			0,06									0,16									0,16	0,00												0,16																			0,02	0,02		Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 06/7/2023
111	Khu dân cư khu phố 8, phường Tam Quan	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.63**	0.53	0.52	0.52			0.01									0.10									0.02	0.02																				0.08													Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 18/9/2023
112	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại phường Hoài Tân, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 09)	ODT	TX Hoài Nhơn	**1,57**	1,33						1,33									0,24									0,24	0,24																																Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 06/7/2023
113	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại phường Hoài Tân, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 10)	ODT	TX Hoài Nhơn	**0,72**	0,71					0,69	0,02								0,01									0,01													0,01																							Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 06/7/2023
114	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 tại phường Hoài Tân, thị xã Hoài Nhơn (Điểm tái định cư số 11)	ODT	TX Hoài Nhơn	**0,85**	0,73	0,70	0,70				0,03								0,12									0,12	0,12																											0,001					Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/7/2023
115	Khu dân cư thôn Kim Giao Nam, xã Hoài Hải	ONT	TX Hoài Nhơn	**1.17**	1.12											1.12																																											0.05	0.05		Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 11/7/2023
116	Điểm dân cư khu phố Vĩnh Phụng 1, phường Hoài Xuân	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.60**	0.60	0.60	0.60																																																								Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 20/7/2023
117	Khu dân cư khu phố Ngọc An Trung, phường Hoài Thanh Tây	ODT	TX Hoài Nhơn	**0,86**	0,77	0,73	0,73			0,05									0,09									0,05	0,05																											0,04					Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 18/7/2023
118	Khu dân cư xã Hoài Sơn (thôn An Hội Bắc và Hy Văn)	ONT	TX Hoài Nhơn	**0.76**	0.61	0.61	0.61													0.15									0.15	0.15																																Quyết định số 2619 /QĐ-UBND ngày 18/7/2023
119	Khu dân cư thôn Diêu Quang, xã Hoài Hải	ONT	TX Hoài Nhơn	**0.21**																	0.21									0.21													0.21																							Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 31/7/2023
120	Khu dân cư thôn Định Công, xã Hoài Mỹ	ONT	TX Hoài Nhơn	**0.93**	0.93	0.92	0.92			0.01																																																				Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 23/8/2023
121	Khu dân cư khu phố Mỹ An 2, phường Hoài Thanh	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.39**	0.39	0.39	0.39																																																	0.01	0.01		Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 19/9/2023
122	Điểm dân cư khu phố Phụng Du 2, phường Hoài Hảo	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.26**	0.10					0.10									0.16									0.16													0.16																							Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 19/9/2023
123	Khu dân cư khu phố Tấn Thạnh 2, phường Hoài Hảo	ODT	TX Hoài Nhơn	**4.38**	3.63	3.13	3.13			0.49	0.01								0.74									0.52	0.52																				0.22									0.01	0.01		Quyết định số 3509/QĐ-UBND ngày 22/9/2023
124	Khu dân cư khu phố An Dưỡng 1, phường Hoài Tân	ODT	TX Hoài Nhơn	**0.64**	0.51					0.51									0.10									0.10	0.10																													0.02	0.02		Quyết định số 3463/QĐ-UBND ngày 19/9/2023
125	Khu dân cư tuyến đường Thái Lợi tại phường Tam Quan và Tam Quan Nam	ODT	TX Hoài Nhơn	**2,18**	1,78	1,18	1,18			0,05	0,06					0,48			0,38									0,29	0,29																				0,07							0,02		0,03	0,03		Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 22/9/2023
126	Điểm cải táng phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 (Điểm cải táng số 5)	NTD	TX Hoài Nhơn	**0,46**	0,42						0,42									0,04									0,04	0,02												0,02																							Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 07/6/2023
127	Điểm cải táng phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 (Điểm cải táng số 6)	NTD	TX Hoài Nhơn	**0,12**	0,12						0,12																																																				Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 07/6/2023
128	Điểm cải táng phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 (Điểm cải táng số 4)	NTD	TX Hoài Nhơn	**0,30**	0,27						0,27									0,03									0,03													0,03																							Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 12/6/2023
129	Mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn (giai đoạn 2)	DYT	TX Hoài Nhơn	**0.82**																	0.82									0.82	0.78												0.04																							Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 27/6/2023
130	Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn	TSC	TX Hoài Nhơn	**0.74**	0.73	0.73	0.73													0.01									0.01	0.01																																Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 04/8/2023
131	Trụ sở làm việc (cơ sở 2) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Hoài Nhơn	TSC	TX Hoài Nhơn	**0,03**																	0,03																														0,03												Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
132	Khu phụ trợ Trạm biến áp 110kV Hoài Nhơn	DNL	TX Hoài Nhơn	**0.11**																	0.11									0.11							0.11																													Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 27/02/2023
133	Trạm biến áp 110kV Hoài Nhơn	DNL	TX Hoài Nhơn	**0.38**																	0.38									0.38							0.38																													Quyết định số 558 /QĐ-UBND ngày 27/02/2023
134	Trạm biến áp 110kV Tam Quan	DNL	TX Hoài Nhơn	**0.40**																	0.40									0.40							0.40																													Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 28/02/2023
135	Nhà máy sản xuất sản phẩm truyền thống bún khô và bánh tráng	SKN	TX Hoài Nhơn	**1,76**	1,72						1,72									0,04									0,04	0,02												0,02																							Quyết định số 689 /QĐ-UBND ngày 9/3/2023
136	Nhà máy May Ngọc Sơn	SKN	TX Hoài Nhơn	**1.09**																	1.09				1.09																																							Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 24/5/2023
137	Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương khai thác khoáng sản cát, đất lẫn cát hỗn hợp	SKX	TX Hoài Nhơn	**17,07**																	17,07																																			17,07								Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 24/3/2023
138	Nhà máy sản xuất ruột nêm và nêm các loại	SKN	TX Hoài Nhơn	**1.63**	1.47					0.10	1.37								0.16									0.04	0.04												0.00								0.12													Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 17/4/2023
139	04 Trạm bơm giếng và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước	DTL	TX Hoài Nhơn	**0,43**	0,36					0,21	0,15								0,05																																			0,05			0,02	0,02		Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 22/6/2023
140	Dự án Trạm trộn bê tông thương phẩm	SKN	TX Hoài Nhơn	**1.27**	1.27					0.02	1.25																																																				Quyết định số 2660 /QĐ-UBND ngày 19/7/2023
141	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn	DYT	TX Hoài Nhơn	**2.54**																	2.54						0.01			1.65				1.65																		0.24	0.63												Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 7/9/2023
142	Nhà máy chế biến lâm sản và sản xuất viên nén gỗ sinh học	SKN	TX Hoài Nhơn	**3.07**	2.59					2.59									0.40									0.40		0.33										0.07																			0.08	0.08		Quyết định số 2911 /QĐ-UBND ngày 4/8/2023
143	Nhà máy sản xuất bánh cốm nếp ngự và muối chấm	SKN	TX Hoài Nhơn	**0.78**	0.32					0.30	0.02								0.46									0.46													0.46																							Quyết định số 2977 /QĐ-UBND ngày 11/8/2023
144	Mở rộng Nhà máy may Hoài Sơn	SKN	TX Hoài Nhơn	**0.19**	0.17	0.09	0.09			0.08									0.02									0.02	0.02																																Quyết định số 3165 /QĐ-UBND ngày 23/8/2023
145	Mở rộng Nhà máy sản xuất khí Oxy – Nitơ	SKN	TX Hoài Nhơn	**0,21**	0,20						0,20									0,00									0,00	0,00																																Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 Quyết định số 3566/QĐ-UBND ngày 26/9/2023
146	Trụ sở làm việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện An Lão	TSC	An Lão	**0,07**																	0,07																														0,07												Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 27/02/2023
147	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Ngọc Lâm khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường	SKX	An Lão	**2,45**																	2,45																																			2,45								Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 02/3/2023
148	Nhà máy sản xuất cưa xẻ, bảo quản gỗ, đồ mộc dân dụng và băm dăm	SKN	An Lão	**0,96**																	0,96				0,96																																							Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 12/9/2023
149	Khu dân cư trước hồ Sinh Thái	ODT	An Lão	**0.24**	0.16	0.16	0.16													0.06									0.06		0.06																													0.02	0.02		Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 26/5/2023
150	Trường Mầm non Ân Hảo Tây	DGD	Hoài Ân	**0.24**																	0.24									0.24					0.24																												Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 01/8/2023
151	Điểm tái định cư phục vụ Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn huyện Hoài Ân tại thôn Vĩnh Viễn, xã Ân Tường Đông	ONT	Hoài Ân	**0,73**	0,73	0,71	0,40	0,31		0,02																																																				Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 4/4/2023
152	Điểm tái định cư phục vụ Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn huyện Hoài Ân tại khu phố Du Tự, Thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân (thuộc quy hoạch Khu dân cư phía Đông Bắc đường Sư Đoàn 3 Sao Vàng)	ODT	Hoài Ân	**0,59**	0,50	0,50	0,50																																																	0,09	0,09		Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 7/4/2023
153	Điểm tái định cư phục vụ Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn huyện Hoài Ân tại thôn Long Mỹ, xã Ân Mỹ	ONT	Hoài Ân	**0,98**	0,79	0,77	0,77			0,01									0,19									0,19	0,16												0,03																							Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 8/4/2023
154	Khu tái định cư phục vụ Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn huyện Hoài Ân tại thôn Thế Thạnh 1 và Thế Thạnh 2, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân	ONT	Hoài Ân	**2,34**	2,28	2,28	2,28													0,06									0,06	0,06																																Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 5/4/2023
155	Điểm tái định cư phục vụ Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn huyện Hoài Ân tại thôn An Hậu, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân	ONT	Hoài Ân	**0,59**	0,58	0,58		0,58																																													0,01	0,01		Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 5/4/2023
156	Khu tái định cư phục vụ Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn huyện Hoài Ân tại thôn Thế Thạnh 1, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân		Hoài Ân	**0,72**	0,70					0,70									0,01									0,01	0,01																													0,02	0,02		Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 14/6/2023
157	Khu tái định cư Đồng Xe Tư	ONT	Hoài Ân	**1.07**	1.02	0.78	0.69	0.09		0.24									0.01									0.01	0.01																													0.04	0.04		Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 27/7/2023
158	Khu dân cư phía Đông Bắc đường Sư Đoàn 3 Sao Vàng	ODT	Hoài Ân	**0.67**	0.60	0.58	0.58			0.02									0.07									0.07	0.07																																Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 23/8/2023
159	Công ty TNHH Xây dựng - Quảng cáo và Thương mại Xuân Bắc	TMD	TX An Nhơn	**0,01**																	0,01					0,01																																						Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 21/02/2023
160	Thu hồi đất của Công ty Bảo hiểm Bình Định và cho Công ty Bảo Việt Bình Định thuê đất để làm Văn phòng làm việc	TSC	TX An Nhơn	**0,08**																	0,08																														0,08												Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 27/02/2023
161	Công ty TNHH Sản xuất và Khai thác Minh Toàn	SKX	TX An Nhơn	**7.00**																	7.00								7.00																																				Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 20/6/2023
162	Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định	SKC	TX An Nhơn	**0.36**	0.35	0.35	0.35													0.01									0.01		0.01																																Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 30/6/2023
163	Công ty TNHH Đầu tư BOT Bình Định	SKC	TX An Nhơn	**0.49**	0.47	0.47	0.47													0.01									0.01		0.01																																Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 07/11/2023
164	Ban Quản lý các dịch vụ đô thị An Nhơn	TSC	TX An Nhơn	**0.05**																	0.05																														0.05												Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 18/7/2023
165	Công ty TNHH Tổng hợp Sinh Phát	SKN	TX An Nhơn	**0.35**	0.35						0.35																																																				Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 21/7/2023
166	Công ty TNHH Cơ khí Long Bình	SKN	TX An Nhơn	**0.24**	0.24						0.24																																																				Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 21/7/2023
167	Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc	SKX	TX An Nhơn	**3.86**																	3.86								3.86																																				Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 29/7/2023
168	HTX Nông nghiệp Mỹ Châu	SKC	TX An Nhơn	**0.20**																	0.20						0.20																																						Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 19/01/2023
169	Công ty TNHH Nhất Minh	SKX	TX An Nhơn	**8.98**	8.98							8.98			8.98																																																Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 28/3/2023
170	Hạt Quản lý giao thông công chính	TSC	TX An Nhơn	**0.08**																	0.08																														0.08												Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 25/4/2023
171	Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	SKC	TX An Nhơn	**3.49**																	3.49						3.49																																						Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 01/8/2023
172	Điểm tái định cư phía Nam cầu Khánh Mỹ, xã Nhơn Khánh	ONT	TX An Nhơn	**0.06**	0.06					0.06																																																				Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 30/01/2023
173	Khu dân cư Hòa Nghi	ODT	TX An Nhơn	**2.35**	1.94	1.94	1.94													0.40									0.40	0.04	0.08											0.28																			0.01	0.01		Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
174	Khu dân cư và chợ Quán Mới tại thôn Lộc Thuận	ONT	TX An Nhơn	**2.63**	2.29	2.29	2.29													0.34									0.31	0.31																											0.04					Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
175	Trụ sở làm việc KV Huỳnh Kim	DSH	TX An Nhơn	**0.15**	0.15	0.15	0.15																																																								Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
176	Khu dân cư kết hợp tái định cư đường Trần Nguyên Hãn, phường Nhơn Hòa	ODT	TX An Nhơn	**2,00**	1,77	1,74	1,74				0,03								0,23									0,23	0,20	0,03																													0,01	0,01		Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
177	Xây dựng KDC và chợ mới Cảnh Hàng	ONT	TX An Nhơn	**2.07**	1.55	1.55	1.55													0.52						0.02			0.35	0.13												0.22							0.15															Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 27/02/2023
178	Điểm dân cư giáp Nhà máy nước sạch, khu vực Kim Châu	ODT	TX An Nhơn	**1.53**	0.84	0.84	0.84													0.69									0.69	0.21												0.48																							Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 12/4/2023
179	Xây dựng Khu dân cư xã Nhơn Tân	ONT	TX An Nhơn	**0.06**																	0.06																												0.06														Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 17/4/2023
180	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐT.638 đến tuyến đường ĐH.39 (Tân Lập - An Thành) tại xã Nhơn Lộc	DGT	TX An Nhơn	**1,83**	1,05	1,05	1,05													0,71									0,71	0,36	0,07											0,28																			0,08	0,08		Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
181	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường bê tông xi măng Thái Thuận (từ Cổng 8 Hân đến Trường Tiểu học Thái Thuận - ĐT.638 - Trường Tiểu học Thái Thuận) tại xã Nhơn Phúc	DGT	TX An Nhơn	**0,80**	0,77	0,77	0,77													0,03									0,01			0,004										0,006															0,02					Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
182	Khu dân cư phía Nam Trường Mầm non xã Nhơn Lộc	ONT	TX An Nhơn	**5.18**	4.16	4.16	4.16													1.01									1.01	0.87	0.08											0.06																			0.01	0.01		Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
183	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục Khu Kinh tế với đường ĐT.631 (đoạn từ đường trục Khu Kinh tế đến cây xăng Cẩm Vy) tại xã Nhơn Hạnh	DGT	TX An Nhơn	**2,29**	1,94	1,87	1,87			0,07									0,33						0,03			0,30		0,30																													0,03	0,03		Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
184	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Tùng đến hai con voi đá tại thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu	DGT	TX An Nhơn	**0,25**	0,10					0,10									0,13									0,03													0,03							0,10											0,02	0,02		Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
185	Tuyến đường từ cổng làng nghề bún tươi Ngãi Chánh - Khu dân cư Ngãi Chánh 4 tại xã Nhơn Hậu	DGT	TX An Nhơn	**0,94**	0,30	0,26	0,26			0,04									0,64									0,64													0,64																							Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
186	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Việt đến nhà ông Thảo tại thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu	DGT	TX An Nhơn	**0,18**	0,01					0,01									0,16									0,04													0,04							0,12											0,01	0,005		Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
187	Xây dựng Điểm dân cư KV Hòa Cư	ODT	TX An Nhơn	**1.91**	1.18					1.18									0.74									0.52	0.36	0.16																			0.22													Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
188	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Trần Mãi đến nhà ông Phạm Hữu Phát tại xã Nhơn Hậu	DGT	TX An Nhơn	**0,04**																	0,04																												0,04														Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
189	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thanh Giang - Trung Định tại thôn Trung Lý, xã Nhơn Phong	DGT	TX An Nhơn	**1,00**	0,48	0,48	0,48													0,52									0,52	0,39	0,13																																Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
190	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường bê tông từ cầu Mười Thước (Thái Xuân) đến cầu Cầm Cố (Dương Xuân) tại xã Nhơn Hạnh	DGT	TX An Nhơn	**0,33**	0,33	0,33	0,326			0,006																																																				Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
191	Đường giao thông bê tông xi măng từ đường ĐH.35 đến khu giết mổ động vật tập trung tại xã Nhơn An	DGT	TX An Nhơn	**0,49**	0,43	0,43	0,43													0,04									0,04		0,04																													0,02	0,02		Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
192	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Nhà Văn hóa đến nhà ông Việt, thôn Bắc Thuận, xã Nhơn Hậu	DGT	TX An Nhơn	**0,49**	0,09					0,09									0,29									0,26	0,22	0,01											0,03							0,02											0,11	0,11		Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
193	Mở rộng đường từ đường Đại An đến Tân Đức tại xã Nhơn Mỹ	DGT	TX An Nhơn	**0,59**	0,54	0,54	0,54													0,05									0,05		0,05																																Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
194	Mở rộng tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Duật đến cầu bến Thùng Kè Thành Văn tại phường Nhơn Hưng	DGT	TX An Nhơn	**0,07**	0,07	0,07	0,07																																																								Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
195	Tuyến đường từ đường ĐT.636 (Nhơn Khánh) đến đường ĐH.35 (Nhơn Hậu) tại xã Nhơn Hậu và xã Nhơn Khánh	DGT	TX An Nhơn	**6,37**	2,93	1,67	1,67			1,26									3,29									3,09	3,04	0,05											0,004													0,20			0,15	0,15		Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 28/4/2023
196	Mở rộng đường từ Nhà Văn hóa thôn Tân Đức đến nhà ông Lê Văn Hải tại xã Nhơn Mỹ	DGT	TX An Nhơn	**0,06**	0,06	0,06	0,06																																																								Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 28/4/2023
197	Mở rộng tuyến đường Chu Văn An tại phường Nhơn Hưng	DGT	TX An Nhơn	**0.03**	0.03						0.03																																																				Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 29/4/2023
198	Mở rộng đường từ Nhà Văn hóa thôn Nghĩa Hòa đến cầu Cá Lưu tại xã Nhơn Mỹ	DGT	TX An Nhơn	**0,09**	0,06	0,06	0,06																																																	0,03	0,03		Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 29/4/2023
199	Mở rộng đường từ đường ĐH.34 đến trạm bơm Đại Bình tại xã Nhơn Mỹ	DGT	TX An Nhơn	**0,49**	0,46	0,45	0,45			0,01									0,01									0,01		0,01										0,003																			0,02	0,02		Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 29/4/2023
200	Mở rộng đường từ cầu ông Sũn đến cổng làng nghề Nghĩa Hòa tại xã Nhơn Mỹ	DGT	TX An Nhơn	**0,19**	0,17	0,17	0,17													0,02									0,02		0,02																																Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 29/4/2023

201	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Đình Trung đến nhà ông Cù Minh Nghĩa tại thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu	DGT	TX An Nhơn	**0,03**																0,03																													0,03												Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 29/4/2023
202	Xây dựng Khu dân cư xã Nhơn Phúc	ONT	TX An Nhơn	**0,30**																0,30																													0,30												Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 04/05/2023
203	Điểm tái định cư phục vụ công trình nâng cấp, mở rộng đường Trần Khánh Dư, phường Nhơn Hòa	ODT	TX An Nhơn	**0,06**	0,06	0,06	0,06																																																						Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 04/05/2023
204	Xây dựng kè Soi Ông Thức	DTL	TX An Nhơn	**0.87**	0.59	0.02	0.02			0.57																																															0.27	0.27			Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 04/05/2023
205	Hoa viên mới Vân Sơn, xã Nhơn Hậu	DKV	TX An Nhơn	**0.33**	0.33														0.33																																											Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 04/05/2023
206	Khu thể dục thể thao thôn Thanh Giang, xã Nhơn Phong	ONT	TX An Nhơn	**0.10**	0.10	0.10	0.10																																																							Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 04/05/2023
207	Kè dọc sông An Tượng (kè Gò Me - Nhơn Thọ) tại xã Nhơn Thọ	DTL	TX An Nhơn	**1,56**	0,64					0,64										0,46									0,46	0,46																												0,45	0,45			Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 04/05/2023
208	Cầu Phụ Ngọc (cũ) tại xã Nhơn Phúc và xã Nhơn Khánh	DGT	TX An Nhơn	**0.22**																0.21						0.01			0.17	0.17																			0.03									0.02	0.02			Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 04/05/2023
209	Xây dựng Kè từ cầu Trường Thi đến đập Thạnh Hòa	DTL	TX An Nhơn	**0.12**																0.03																														0.03								0.08	0.08			Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 15/5/2023
210	Mở rộng, bêtông xi măng tuyến đường từ nhà ông Tùng đến Bàu Sen, xã Nhơn Hậu	DGT	TX An Nhơn	**0,20**	0,17	0,01		0,01		0,07	0,09																																															0,03	0,03			Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 15/5/2023
211	Công viên Trung tâm xã Nhơn Mỹ	DKV	TX An Nhơn	**1.43**	1.03						1.03									0.31									0.30	0.30																			0.01									0.09	0.09			Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 15/5/2023
212	Tuyến đường từ nhà ông Linh đến nhà ông Lộc, xã Nhơn Hậu	DGT	TX An Nhơn	**0,37**	0,37	0,35	0,35			0,02										0,00									0,00													0,003																					Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
213	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.35 đoạn từ đường trục Đông – Tây đến đường trục Bắc – Nam số 1 tại xã Nhơn Hậu và xã Nhơn Mỹ	DGT	TX An Nhơn	**2,73**	1,10	1,04	1,04			0,06										1,58									1,43	1,41		0,02																	0,15									0,05	0,05			Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
214	Tuyến đường trục Đông – Tây, đoạn từ Bến xe mới thị xã đến cầu Mương Đôi tại xã Nhơn An và xã Nhơn Phong	DGT	TX An Nhơn	**4,73**	4,28	4,28	4,28													0,45									0,45	0,13	0,04											0,28																					Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
215	Tuyến đường liên huyện từ đường trục Khu Kinh tế nối dài đến Tỉnh lộ 631 tại xã Nhơn Phong	DGT	TX An Nhơn	**1,48**	1,33	1,27	1,27			0,01	0,06									0,15									0,13		0,12											0,01							0,02													Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
216	Xây dựng cầu Thị Lựa	DGT	TX An Nhơn	**0.18**	0.09						0.09									0.05									0.02		0.02																		0.03									0.04	0.04			Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
217	Xây dựng kè Thuận Thái	DTL	TX An Nhơn	**1.79**	0.49					0.49										0.77									0.13	0.13																		0.15							0.49			0.53	0.53			Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
218	Hoa viên kết hợp với điểm trưng bày cây Mai Vàng và các sản phẩm làng nghề truyền thống An Nhơn tại xã Nhơn An	DKV	TX An Nhơn	**2,12**	2,01	2,01	2,01													0,11									0,11		0,03											0,08																					Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
219	Tuyến giao thông 02 bên kè từ cầu Trường Thi đến đập Thạnh Hòa, phường Nhơn Hòa	DGT	TX An Nhơn	**0,52**	0,52	0,30	0,30			0,22																																																				Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
220	Xây dựng Tuyến đường từ Khu tái định cư Huỳnh Kim đi An Lộc	ODT	TX An Nhơn	**4,53**	3,46	3,14	3,14			0,32										0,70									0,69	0,50	0,19																			0,01								0,37	0,37			Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
221	Mở rộng Trường THCS Nhơn An	DGD	TX An Nhơn	**0.11**	0.07					0.07										0.04									0.04													0.04																					Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
222	Xây dựng Điểm dân cư KV Hòa Cư	ODT	TX An Nhơn	**3.68**	2.97	2.97	2.97													0.71									0.58	0.14	0.25											0.19								0.13												Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 17/5/2023
223	Tuyến đường Bắc – Nam số 03 (đường liên phường): Đoạn từ Thị đội đến giáp Khu dân cư Cầm Văn, phường Nhơn Hưng	DGT	TX An Nhơn	**2,86**	1,84	1,41	1,41			0,43										1,01									0,39	0,13	0,05											0,21								0,33	0,02					0,27		0,01	0,01			Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 17/5/2023
224	Xây dựng khu dân cư đường Tôn Thất Tùng nối dài về phía Đông	ODT	TX An Nhơn	**6,96**	5,99	5,71	5,71			0,28										0,96									0,96	0,40	0,30											0,26																0,01	0,01			Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 24/5/2023
225	Tuyến đường Tây tỉnh, đoạn từ quán Cai Ba đến giáp ranh xã Nhơn Lộc tại thôn Nam Tương 2, xã Nhơn Tân	DGT	TX An Nhơn	**0,01**																0,01																													0,01													Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 26/5/2023
226	HTKT thuộc KDC đường LHP nối dài về phía Đông	DGT	TX An Nhơn	**1.70**																1.70									1.14	0.51	0.06	0.57																		0.53				0.03								Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 05/6/2023
227	Xây dựng Khu dân cư dọc đường N4A nối dài về phía Đông	ODT	TX An Nhơn	**10.40**	8.00	7.98	7.98			0.02										2.31									2.31	0.95	0.11											1.25																0.09	0.09			Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 05/6/2023
228	Tuyến đường Bắc - Nam số 03 (đường liên phường): Đoạn từ Khu dân cư N4A đến cổng làng nghề Ngãi Chánh thuộc xã Nhơn Hậu và phường Nhơn Hưng	DGT	TX An Nhơn	**6,99**	6,54	4,68	4,68			1,86										0,35									0,35		0,23											0,12																0,10	0,10			Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 05/6/2023
229	Khu dân cư thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh	ONT	TX An Nhơn	**3.57**	3.09	3.09	3.09													0.48									0.44	0.37	0.06			0.01																							0.04					Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 05/6/2023
230	Tuyến đường trục Đông – Tây, đoạn từ ĐT.636, xã Nhơn Khánh kết nối với đường Quốc lộ 19 thuộc các xã: Nhơn Khánh, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ	DGT	TX An Nhơn	**5,26**	3,99	3,99	3,99													1,23									1,23	1,09	0,11											0,03																0,04	0,04			Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 05/6/2023
231	Khu dân cư phía Tây đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng tại phường Bình Định và phường Nhơn Hưng	ODT	TX An Nhơn	**6,01**	5,21	5,14	5,14			0,07										0,80									0,80	0,22	0,39											0,19																				Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 05/6/2023
232	Mở rộng Trụ sở làm việc Công an TX An Nhơn	CAN	TX An Nhơn	**0.56**																0.56		0.56																																								Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 14/6/2023
233	Xây dựng Cơ sở làm việc phường Nhơn Hòa	CAN	TX An Nhơn	**0.18**																0.18									0.18													0.18																				Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 27/6/2023
234	Xây dựng Cơ sở làm việc phường Nhơn Hưng	CAN	TX An Nhơn	**0.14**	0.14	0.14	0.14																																																						Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 27/6/2023
235	Xây dựng Cơ sở làm việc phường Nhơn Thành	CAN	TX An Nhơn	**0.13**																0.13						0.13																																				Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 03/7/2023
236	Xây dựng Khu dân cư phường Nhơn Hòa	ODT	TX An Nhơn	**0.02**																0.02																														0.02												Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 17/7/2023
237	Khu tái định cư thôn An Thái, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025	ONT	TX An Nhơn	**2,44**	2,11	2,11	2,11													0,33									0,33	0,16	0,17																															Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 25/7/2023
238	Khu tái định cư khu vực Trung Ái, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025	ODT	TX An Nhơn	**3,36**	2,82	2,82	2,82													0,32									0,32	0,16	0,17																											0,22	0,22			Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 25/7/2023
239	Khu dân cư phía Nam khu dịch vụ và dân cư thôn An Thái, xã Nhơn Phúc	ONT	TX An Nhơn	**0,52**	0,25	0,25	0,25													0,27									0,27													0,27																				Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 27/7/2023
240	Hoa viên phía Đông – Tây tuyến đường trục Bắc – Nam: Đoạn từ ĐT.636 đến ĐT.638 tại thôn An Thái, xã Nhơn Phúc	DKV	TX An Nhơn	**0,90**	0,79	0,77	0,77			0,02										0,11									0,11	0,06	0,05																															Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 27/7/2023
241	Bê tông kênh mương TAX3 (từ cống ông Thẫy – cống Công Nông) tại phường Nhơn Hưng	DTL	TX An Nhơn	**0,18**	0,14	0,14	0,14													0,04																																		0,04			0,00	0,003			Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 28/4/2023
242	Xây dựng Trường THPT Mỹ Thọ	DGD	Phù Mỹ	**1.86**	1.49	0.24	0.24			1.25										0.37									0.37													0.37																				Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/01/2023
243	Khu tái định cư phục vụ tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ tại thị trấn Phù Mỹ	ONT	Phù Mỹ	**0,38**	0,31	0,30	0,13	0,17		0,01										0,07									0,07	0,003	0,01			0,06																												Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 07/4/2023
244	Xây dựng Khu dân cư thị trấn Phù Mỹ	ODT	Phù Mỹ	**1.45**	1.35	0.83	0.56	0.27		0.52										0.09									0.09	0.08	0.01																											0.01	0.01			Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 26/4/2023
245	Xây dựng Khu dân cư xã Mỹ Chánh	ONT	Phù Mỹ	**0.90**	0.70	0.69	0.69			0.01										0.16									0.16					0.16																							0.04	0.04			Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 15/5/2023
246	Khu dân cư xã Mỹ Lợi	ONT	Phù Mỹ	**0.83**	0.83	0.13	0.13			0.24	0.46																																																		Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
247	Xây dựng Khu dân cư xã Mỹ Chánh Tây	ONT	Phù Mỹ	**1.42**	1.38	1.10	0.95	0.15		0.26	0.02									0.03									0.03	0.02	0.01																											0.01	0.01			Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
248	Xây dựng Khu dân cư xã Mỹ Quang	ONT	Phù Mỹ	**2.13**	2.13	2.13	2.08	0.05																																																		0.00	0.003			Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 26/5/2023
249	Xây dựng Khu dân cư xã Mỹ Quang	ONT	Phù Mỹ	**1.34**	1.16	1.07	1.05	0.02		0.09										0.04									0.03	0.01	0.02																									0.01		0.14	0.14			Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 07/6/2023
250	Xây dựng Khu dân cư xã Mỹ Châu	ONT	Phù Mỹ	**1.15**	1.12	1.09	0.99	0.10									0.03			0.03									0.03		0.03																															Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 13/6/2023
251	Điểm tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025 tại thôn Trung Hội, xã Mỹ Trinh	ONT	Phù Mỹ	**0,74**	0,69	0,59	0,30	0,29		0,10										0,03									0,03	0,03																												0,02	0,02			Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 14/6/2023
252	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025 tại thôn Phước Thọ, xã Mỹ Hòa	ONT	Phù Mỹ	**2,33**	2,18	1,70	1,70			0,48										0,15									0,13	0,03	0,10																									0,02						Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
253	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025 tại thôn An Lạc 2, xã Mỹ Hòa	ONT	Phù Mỹ	**3,41**	3,25	3,15	3,15			0,10										0,16									0,16	0,05	0,11																															Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
254	Xây dựng Khu dân cư xã Mỹ Cát	ONT	Phù Mỹ	**0.84**	0.71	0.71	0.71													0.02									0.02													0.02																0.12	0.12			Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
255	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025 tại thôn Thạnh An và thôn Đại Thuận, xã Mỹ Hiệp	ONT	Phù Mỹ	**6,72**	5,77	3,72	3,72			1,74	0,31									0,78									0,78	0,13	0,40											0,25																0,17	0,17			Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
256	Xây dựng Khu dân cư xã Mỹ Phong	ONT	Phù Mỹ	**2,49**	2,05	1,74	0,42	1,32		0,27	0,04									0,28									0,25	0,20	0,05																									0,03		0,16	0,16			Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 03/7/2023
257	Trung tâm dịch vụ hậu cần Khu neo đậu tàu thuyền	SKC	TP Quy Nhơn	**1,3**																1,3																																										Quyết định số 72/QĐ-BQL ngày 24/3/2023 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế về việc cho Công ty TNHH MTV Phong Thư thuê đất để thực hiện dự án Trung tâm dịch vụ hậu cần Khu neo đậu tàu thuyền
258	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (đợt 5)	SKK	Vân Canh	**150,30**	142,20	0,50		0,5		1,2	140,5									8,10				4,1					1,60	1,1	0,5																		2,4													Quyết định số 228/QĐ-BQL ngày 28/7/2023 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế về việc cho Công ty Cổ phần Becamex Bình Định thuê đất (đợt 5) để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định
259	Chuyển mục đích đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở sang đất ở nông thôn	ONT	Tuy Phước	**0,33**	0,33					0,33																																																				
260	Chuyển mục đích đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở sang đất ở đô thị	ODT	Tuy Phước	**2,76**	2,76					2,76																																																				
261	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở (đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở)	ONT	An Lão	**0,09**	0,09						0,09																																																		
262	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn ao trong cùng thửa đất ở sang đất ở	ONT	Hoài Ân	**1,63**	1,63						1,63																																																		
263	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao của hộ gia đình, cá nhân trong cùng thửa đất có nhà ở hợp pháp sang đất ở địa bàn xã thị xã An Nhơn	ONT	TX An Nhơn	**0,10**	0,10						0,10																																																		
264	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao của hộ gia đình, cá nhân trong cùng thửa đất có nhà ở hợp pháp sang đất ở địa bàn xã thị xã An Nhơn	ODT	TX An Nhơn	**0,08**	0,08						0,08																																																		
II	**CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT NHƯNG CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT**			**340,49**	**273,46**	**135,95**	**126,40**	**9,55**		**55,39**	**28,40**	**35,09**	**3,67**		**31,42**		**10,96**	**7,67**		**53,45**						**1,66**			**32,44**	**20,61**	**2,35**			**2,14**		**0,06**	**0,01**				**0,05**	**7,18**			**0,04**			**0,52**	**6,88**	**7,19**	**0,01**	**0,04**		**0,07**	**4,07**	**0,57**		**13,58**	**13,58**			
1	Khu tái định cư phục vụ dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	ONT	Tuy Phước	**6,67**	6,09	2,95	2,21	0,74		3,13										0,57									0,56	0,23	0,15											0,18							0,00							0,00		0,01	0,01			
2	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây Đầm Thị Nại	DGT	Tuy Phước	**3,38**	2,96	2,76	2,76	-	-	0,20	-		-	-	-	-	-	-	-	0,42	-	-	-	-	-	-	-	-	0,09	0,02	0,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,04	-	-	-	-	-	-	0,31	-	-	-	-	0,02	-	-	-		-	-	-	
3	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân	DGT	Tuy Phước	**18.30**	18.01	17.61	17.61			0.40										0.29																													0.29												
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã từ ĐH42 Phước Hiệp đến ĐT640 Phước Sơn (tuyến từ Ngã ba Giám đến Mỹ Cang)	DGT	Tuy Phước	**0,65**	0,56	0,55	0,55				0,01									0,09									0,02													0,02							0,06							0,02						
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ngã ba Thánh Thất thôn Giang Nam đến chợ Tỉnh Giang	DGT	Tuy Phước	**0,08**	0,08	0,08	0,08																																																						
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cụm công nghiệp Phước An đến UBND xã	DGT	Tuy Phước	**0,16**	0,16	0,11	0,11			0,05																																																			
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 636	DGT	Tuy Phước	**0.22**	0.12	0.12	0.12													0.09																													0.09												
8	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM thôn Phụng Sơn	DGT	Tuy Phước	**0.09**																0.09																													0.09												
9	Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân	DTL	Tuy Phước	**6,39**	5,12					0,01							2,69	2,42		1,28																													1,28												
10	Đê thượng lưu đập Thanh Quang	DTL	Tuy Phước	**0.06**	0.06	0.06	0.06																																																							
11	Xây dựng nghĩa trang nhân dân huyện	NTD	Tuy Phước	**8.10**	7.55		-	-	-	0.51	0.34	6.70	-	-	6.70	-	-	-	-	0.35	-	-	-	-	-	0.18	-	-	0.08	0.06	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.08	-	-	0.20	0.20	-	-	
12	Mở rộng Trường TH Phước Nghĩa	DGD	Tuy Phước	**0.28**	0.28					0.28																																																			
13	Mở rộng trường Tiểu học số I Phước Hưng	DGD	Tuy Phước	**0.63**	0.63	0.63	0.63																																																						
14	Khu dân cư	ONT	Tuy Phước	**1.82**	1.82					1.82																																																			
15	Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 mới	ONT	Tuy Phước	**1.15**	0.96	0.96	0.96													0.18									0.18													0.18																0.02	0.02			
16	Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 mới	ONT	Tuy Phước	**7.12**	5.15	5.01	5.01			0.14										1.97									1.91	1.55	0.33										0.02	0.00							0.06												
17	KDC kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh	ONT	Tuy Phước	**43.31**	36.58	29.65	29.65			6.93										6.47									6.47	5.18												1.29																0.26	0.26			
18	Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân	ONT	Tuy Phước	**10.16**	9.79					0.02							4.52	5.25		0.37																													0.37												
19	Khu TĐC phía Bắc đầu cầu Diêu Trì thuộc dự án Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối Cảng Quy Nhơn, thành phố Quy Nhơn	ONT	Tuy Phước	**0,95**																0,03									0,03		0,03																											0,92	0,92			
20	Xây dựng hoa viên phía Nam và hành lang cây xanh phía Tây nhà thờ Lục Lễ	DKV	Tuy Phước	**0,07**	0,07	0,07	0,07																																																						
21	Giao đất ở không thông qua đấu giá cho hộ gia đình, cá nhân	ONT	An Lão	**0,26**	0,26					0,14	0,12																																																		
22	Khu tái định cư vùng thiên tai thôn 4, thông 5 xã An Trung	ONT	An Lão	**4.75**	4.00					0.02		3.98			3.98					0.75									0.75	0.10												0.65																				
23	Bố trí tái định cư thôn 2 xã An Toàn	ONT	An Lão	**2.21**	1.11					1.11																																																1.10	1.10			
24	Đường bao thôn 2, thị trấn An Lão	DGT	An Lão	**1.38**	1.34	0.71	0.71				0.30	0.30			0.30		0.03			0.01																														0.01								0.03	0.03			
25	Đường từ thôn 2, thị trấn đi Tân An - An Tân	DGT	An Lão	**1.36**	1.15	0.98	0.92	0.06		0.06	0.11									0.03									0.03		0.03																											0.18	0.18			
26	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối thị trấn An Lão với trung tâm xã An Dũng mới, huyện An Lão	DGT	An Lão	**0,16**	0,13	0,01	0,01			0,03	0,09									0,03									0,00		0,00																		0,01	0,02												
27	Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Bình Định Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông	DGT	An Lão	**6,88**	0,57	0,00	0,00			0,10	0,12	0,34			0,34					6,29									6,21	6,19	0,02																							0,08			0,02	0,02			
28	Đường kết nối thị trấn An Lão với đường An Hòa đi Ân Hảo Tây	DGT	An Lão	**1,03**	1,03	0,52	0,52			0,06	0,18	0,27			0,27																																														
29	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường ĐH.03 (An Hòa đi An Toàn)	DGT	An Lão	**0.07**	0.06	0.04	0.04				0.02									0.01																													0.01												
30	Đê sông An Lão (đoạn Vạn Long - Vạn Khánh - Trà Cong)	DTL	An Lão	**2.89**	2.80	0.36	0.36			2.38	0.06									0.03									0.01	0.01																			0.02									0.06	0.06			
31	Hệ thống lò đốt rác thải xã An Hòa, huyện An Lão	DRA	An Lão	**0.65**	0.65							0.65			0.65																																														
32	Xây dựng mới cầu Hiệp Định và nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Nước Lăng đến cầu Hiệp Định	DGT	Hoài Ân	**0,68**	0,30					0,30										0,37									0,37	0,37																												0,01	0,01			
33	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT 629	DGT	Hoài Ân	**2,25**	1,40	0,53	0,53				0,51	0,36			0,36					0,54									0,09	0,09																									0,45		0,31	0,31			
34	Xây dựng thuỷ điện Nước Lương	DNL	Hoài Ân	**9.63**	7.96	1.92	1.56	0.36		3.33	0.63	2.08			2.08					0.40									0.35	0.24	0.05					0.06																			0.05		1.27	1.27			
35	Nâng cao khả năng vận hành an toàn lưới điện 110kv khu vực Bình Định năm 2023	DNL	Hoài Ân	**0,01**	0,01	0,01	0,01																																																						
36	Khu di tích Nhơn Tịnh - Xuân Sơn	DDT	Hoài Ân	**1.78**	1.78							1.78			1.78																																														
37	Khu dân cư làng T6 (làng mới DakPok)	ONT	Hoài Ân	**1.02**	1.02							1.02			1.02																																														
38	Xây dựng Trường mần non Gia Đức, xã Ân Đức		Hoài Ân	**0.60**	0.60	0.60	0.60																																																					
39	Công viên cây xanh (phố đi bộ Đống Cỏ Hội)	DKV	Hoài Ân	**1.29**	1.29	1.29	1.29																																																						
40	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 (Chợ Bộng) đến ĐT.638, trên địa bàn phường Hoài Tân	DGT	TX Hoài Nhơn	**2,18**	2,18	1,97	1,97			0,13	0,08									0,00																														0,00											
41	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (tuyến Tài Lương - Ca Công và tuyến Bình Chương - Hoài Mỹ), thị xã Hoài Nhơn, hạng mục tuyến Bình Chương - Hoài Mỹ	DGT	TX Hoài Nhơn	**0,48**	0,48					0,19	0,28									0,00																														0,00											

42	Công trình Nâng cấp mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1(năm tấn) đến D9T 639, tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1(Chợ bộng) đến ĐT 638 và tuyến đường từ Cầu chui Quốc lộ 1 cũ (Hoài Châu Bắc) đến đường bê tông Trường Xuân Đông(Tam Quan Bắc)	DGT	TX Hoài Nhơn	1,05	1,05	0,85	0,85			0,20																																																
43	Mở rộng tuyến đường ĐT 638(ngõ Tứ)-giáp Hoài Châu	DGT	TX Hoài Nhơn	1.72	0.83					0.23	0.60									0.80									0.80													0.80																0.09	0.09			
44	Mở rộng trường Mẫu Giáo Gia An	DGD	TX Hoài Nhơn	0.82	0.72					0.72										0.10									0.01													0.01							0.09													
45	Trường Mẫu giáo thôn Chương Hòa	DGD	TX Hoài Nhơn	0.06	0.06	0.06		0.06																																																		
46	dự án: Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Bình Định (JICA) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn (đoạn qua địa bàn phường Hoài Tân)	DNL	TX Hoài Nhơn	0,03	0,03	0,02	0,02			0,00	0,00																																															
47	Nhà văn hóa khu phố Phụ Đức	DSH	TX Hoài Nhơn	0.09	0.09	0.03	0.03			0.06																																																
48	Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (thôn Chương Hòa)	ONT	TX Hoài Nhơn	0.19	0.19					0.19																																																
49	Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (thôn Gia An Nam)	ONT	TX Hoài Nhơn	0.67	0.67	0.67	0.67																																																			
50	Đất ở khu dân cư khu phố Vĩnh Phụng 2	ODT	TX Hoài Nhơn	0.19	0.18					0.16	0.02																																													0,00	0,00			
51	Khu dân cư Bàu Muống, khu phố Ngọc An Trung	ODT	TX Hoài Nhơn	0.95	0.90	0.90	0.90													0,05																																				0,05						
52	Khu dân cư đường Hai Bà Trưng	ODT	TX Hoài Nhơn	0.10	0.10						0.03						0.07																																											
53	Khu dân khu phố Liêm Bình	ODT	TX Hoài Nhơn	0.05	0.01						0.01									0,04									0,04													0,04																				
54	Mở rộng Nhà làm việc UBND phường Bồng Sơn	TSC	TX Hoài Nhơn	0.24	0.12						0.12									0.12									0.03	0.02												0.01								0.09												
55	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Võ Trứ (từ đường Trương Văn Đa đến cầu bến Trén)	DGT	TX An Nhơn	0,71	0,71	0,60	0,60			0,11																																																
56	Tuyến đường Bắc - Nam số 3 (Đường liên phường): Đoạn từ thị đội đến giáp khu dân cư Cẩm Văn	DGT	TX An Nhơn	2,96	2,18	1,95	1,95			0,01	0,21									0,78									0,39	0,13	0,05											0,21								0,12					0,27							
57	Đường trục Đông Tây đoạn từ đường Trường Thi đến đường Trần Nguyên Hãn	DGT	TX An Nhơn	1,77	1,77	1,61	1,61			0,15																																																
58	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Trung Trực	DGT	TX An Nhơn	0.72	0.72	0.69	0.69				0.04																																															
59	Nâng cấp mở rộng đường Trần Khánh Dư	DGT	TX An Nhơn	0.21	0.20	0.06	0.06			0.00	0.14									0.00																														0.00												
60	Mở rộng đường Quốc lộ 1 đoạn Km1211+110 - Km1211+799.21 tỉnh Bình Định	DGT	TX An Nhơn	0,87	0,87	0,84	0,84			0,04																																																
61	Dự án tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	DGT	TX An Nhơn	0,11	0,11	0,11	0,11																																																			
62	Mở rộng đường từ ngã ba ĐT 636 đến cầu Gò Quang	DGT	TX An Nhơn	0.27	0.27	0.27	0.27																																																				
63	Tuyến đường từ ĐT636 xã Nhơn Khánh kết nối với đường ĐH 35 Tân Dân - Bình Thạnh (Nhơn Hậu) và theo ĐH35 đến đường Trường Chinh	DGT	TX An Nhơn	1,94	1,93	0,87	0,87			0,99	0,08									0,01																														0,01													
64	Tuyến đường từ ĐT636 xã Nhơn Khánh kết nối với đường ĐH 35 Tân Dân - Bình Thạnh (Nhơn Hậu) và theo ĐH35 đến đường Trường Chinh	DGT	TX An Nhơn	0,70	0,58	0,01	0,01			0,09	0,48									0,12																														0,12												
65	Tuyến đường từ ĐT636 xã Nhơn Khánh kết nối với đường ĐH 35 Tân Dân - Bình Thạnh (Nhơn Hậu) và theo ĐH35 đến đường Trường Chinh	DGT	TX An Nhơn	1,28	1,28	0,97	0,97			0,31																																																
66	Tuyến đường N4, khu vực Hòa Cư	DGT	TX An Nhơn	2.63	2.63	2.58	2.58			0.04																																																
67	Nâng cấp mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục khu kinh tế với ĐT.631, xã Nhơn Phong	DGT	TX An Nhơn	1,29	1,29	1,29	1,29																																																			
68	Tuyến đường Bắc - Nam số 2: Đoạn từ đường ĐH34, xã Nhơn Hậu kết nối với đường Quốc lộ 19B, phường Nhơn Thành	DGT	TX An Nhơn	0,96	0,96	0,83	0,83			0,12																																																
69	Tuyến đường Bắc - Nam số 2: Đoạn từ đường ĐH34, xã Nhơn Hậu kết nối với đường Quốc lộ 19B, phường Nhơn Thành	DGT	TX An Nhơn	2,94	2,94	1,70	1,70			1,24																																																
70	Nâng cấp mở rộng tuyến giao thông Nhơn Hậu - Nhơn Khánh (đoạn từ đường ĐH34, xã Nhơn Hậu kết nối với đường ĐT. 636, xã Nhơn Khánh)	DGT	TX An Nhơn	1,25	0,25	0,16	0,16			0,09										1,00									1,00	1,00	0,00																													
71	Nâng cấp mở rộng tuyến ĐH.41; Đoạn Cảnh Hàng - Phú Đa	DGT	TX An Nhơn	1.86	0.35	0.35	0.35													1.51									1.51	1.39	0.05											0.07			0.00																	
72	Nâng cấp mở rộng tuyến ĐH.41; Đoạn Cảnh Hàng - Phú Đa	DGT	TX An Nhơn	0.33	0.33	0.33	0.33																																																			
73	Nâng cấp mở rộng tuyến ĐH.41; Đoạn Cảnh Hàng - Phú Đa	DGT	TX An Nhơn	0.05	0.05	0.05	0.05																																																			
74	Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Lộc), thị xã An Nhơn	DGT	TX An Nhơn	1,84	1,84	1,73	1,73			0,11																																																
75	Xây dựng làng nghề rượu Bầu Đá	DGT	TX An Nhơn	0.32	0.30	0.30	0.30													0.02									0.02		0.02																													
76	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến KCN, đô thị và dịch vụ Becamex Vsip Bình Định	DGT	TX An Nhơn	7,89	7,89							7,89			7,89																																											
77	Kè đoạn từ cầu Trường Thi đến đập Thạch Hòa, thị xã An Nhơn	DTL	TX An Nhơn	0,23	0,01						0,01									0,22									0,22		0,22																													
78	Tràn phân lũ phía bờ tả sông An Tượng (phía thượng lưu, vùng trũng Lỗ Ối), thị xã An Nhơn (giao đất lại)	DTL	TX An Nhơn	1,39	1,36	0,45	0,45			0,90	0,02									0,03																																		0,03							
79	Kè Thiết Tràng xã Nhơn Mỹ	DTL	TX An Nhơn	0.18	0.18	0.15	0.15			0.03																																																
80	Khu TDTT thôn Kim Tài, Liêm Định, Trung Lý, Thanh Danh, Thanh Giang	DTT	TX An Nhơn	0,00	0,00	0,00	0,00													0,00									0,00					0,00																												
81	Nhà thi đấu đa năng phường Nhơn Hưng	DTT	TX An Nhơn	0.21	0.21	0.21	0.21																																																			
82	Dự án Lắp mạch 2 đường dây 110kV Phù Mỹ - An Nhơn; Tiểu dự án Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Bình Định thuộc dự án Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2 (PSL3) vay vốn Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)	DNL	TX An Nhơn	0,00	0,00	0,00	0,00																																																			
83	Dự án Lắp mạch 2 đường dây 110kV Phù Mỹ - An Nhơn; Tiểu dự án Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Bình Định thuộc dự án Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2 (PSL3) vay vốn Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)	DNL	TX An Nhơn	0,01	0,01	0,01	0,01																																																			
84	Dự án Lắp mạch 2 đường dây 110kV Phù Mỹ - An Nhơn; Tiểu dự án Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Bình Định thuộc dự án Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2 (PSL3) vay vốn Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)	DNL	TX An Nhơn	0,07	0,07	0,07	0,07			0,00																																																
85	Dự án Lắp mạch 2 đường dây 110kV Phù Mỹ - An Nhơn; Tiểu dự án Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Bình Định thuộc dự án Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2 (PSL3) vay vốn Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)	DNL	TX An Nhơn	0,01	0,01	0,01	0,01																																																			
86	Tiểu dự án Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Bình Định (JICA)	DNL	TX An Nhơn	0,00	0,00	0,00	0,00																																																			
87	Dự án đấu nối 110KV sau trạm biến áp 220KV Phước An	DNL	TX An Nhơn	0.01	0.01						0.01									0.01																														0.01												
88	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Bãi chôn lấp chất thải rắn thị xã An Nhơn	DRA	TX An Nhơn	6,42	6,05							6,05			6,05					0,37									0,37	0,34	0,03																													
89	KDC trước nhà ông Lân	ONT	TX An Nhơn	0.04																0.04									0.04	0.00	0.01											0.04																				
90	KDC trung tâm xã (GĐ 3) Nhơn An	ONT	TX An Nhơn	1.59	1.56	1.56	1.56													0.03									0.03													0.03																				
91	Cụm dịch vụ dân cư đường Ngô Gia Tự, (Nút giao thông 30/3 Ngô Gia Tự đến KDC bắc Ngô Gia Tự); Vị trí xen kẹt để tái định cư hộ bị ảnh hưởng GPMB ông (Thuận, Tân)	ODT	TX An Nhơn	0,01																0,01																														0,01												
92	Khu dân cư phía Nam đường Ngô Văn Sở (Đập Đá - Nhơn Hậu)	ODT	TX An Nhơn	0,19	0,19	0,19	0,19																																																			
93	Khu dân cư Đông Bàn Thành 3	ODT	TX An Nhơn	4.94	4.94	4.94	4.94																																																			
94	KDC - Thương mại - Dịch vụ Đông Bắc Bằng Châu	ODT	TX An Nhơn	10.45	9.97	9.97	9.97													0.47									0.47	0.03	0.44																													
95	Khu dân cư số 2 phía đông đường Nguyễn Văn Linh (Dự án 1)	ODT	TX An Nhơn	7,48	7,28	7,28	7,28													0,19									0,19													0,19																				
96	Khu dân cư vùng thiên tai giai đoạn 2 xã Nhơn Hải	ONT	TP Quy Nhơn	2.50			-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,50	2,50	-	-	
97	Khu dân cư nông thôn xã Nhơn Lý (Khu vực suối Cả ; Trong đó có các hạng mục: 1- KDC vùng thiên tai 2- HTKT KDC Thôn Lý Hòa xã Nhơn Lý, DT 5,00ha 3- Dự án đầu tư Khu dân cư Nhơn Lý, DT 5,00ha) Cơ cấu SD đất: Đất ở 8,00 ha; TM-DV 1,02 ha; công cộng 0,65 ha; quốc phòng 0,44 ha, tôn giáo, tín ngưỡng 0,08 ha; cây xanh 1,42 ha; giao thông - HTKT 4,39	ONT	TP Quy Nhơn	16,00	3,66		-	-	-	-	3,66		-	-	-	-	-	-	-	6,90	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,10	-	-	-	-	-	2,80	-	-	5,44	5,44	-	-	
98	Quy hoạch Khu dân cư đường vào Trạm y tế xã Phước Mỹ mở rộng	ONT	TP Quy Nhơn	2,20	2,20		-	-	-	1,00	1,20		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
99	Khu dân cư Khu vực 5, phường Bùi Thị Xuân (phần mở rộng)	ODT	TP Quy Nhơn	0,33	0,23	0,19	0,19	-	-	0,04	-		-	-	-	-	-	-	-	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
100	Xây dựng Khu nhà ở xã hội thuộc Khu vực 1, phường Đống Đa, TP. Quy Nhơn	ODT	TP Quy Nhơn	1,53	1,51		-	-	-	-	0,54	0,97	0,97	-	-	-	-	-	-	0,02	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
101	Khu tái định cư phía Bắc công viên khoa học, Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng.	ODT	TP Quy Nhơn	2,86	2,86	0,60	0,60	-	-	-	2,26		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
102	Khu dân cư phía Bắc nhà ở xã hội phường Nhơn Bình.	ODT	TP Quy Nhơn	10.20	9.20	9.20	9.20	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	1,00	-	-	-	-	-	-	-	-	0,83	0,63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,17	-	-		-	-	-	
103	Khu dân cư phía Bắc Khu tiểu dự án VSMT (phần mở rộng).	ODT	TP Quy Nhơn	5.45	3.00		-	-	-	-	-		-	-	-	-	3,00	-	-	2,00	-	-	-	-	-	-	-	-	1,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,00	-	-	-	-	-	-	-	1,00	-	-	-	-	-	-	-	0,45	0,45	-	-	
104	Quỹ đất trên đường Sư Đoàn 3 Sao Vàng thuộc dải cây xanh Khu dân cư phía Đông đường Điện Biên Phủ (phục vụ TĐC đoạn từ Cầu Đôi đến cầu Hoa Lư)	ODT	TP Quy Nhơn	0,52			-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	0,52	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,52	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
105	Quỹ đất tại Công ty CP Muối và Thương mại Miền Trung - CN Bình Định (phục vụ TĐC đoạn từ Cầu Đôi đến cầu Hoa Lư) Thu hồi 0,65 ha đất Nuôi trồng Thủy sản gồm 2 thửa 104; 105 tờ bản đồ địa chính 01, thuộc Quy hoạch HTKT khu dân cư Đông đường Nguyễn Trọng Trì, phường Nhơn Bình	ODT	TP Quy Nhơn	1,65	0,65		-	-	-	-	-		-	-	-	-	0,65	-	-	1,00	-	-	-	-	-	1,00	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
106	Khu dân cư Khu vực 4 phường Nhơn Bình	ODT	TP Quy Nhơn	3.57	0.94		-	-	-	0,94	-		-	-	-	-	-	-	-	2.63	-	-	-	-	-	-	-	-	0.40	0,40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,23	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
107	Khu dân cư phía Bắc làng SOS (phần mở rộng).	ODT	TP Quy Nhơn	0.50	0.50		-	-	-	0,50	-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
108	Dự án Quy hoạch Khu dân cư thuộc KĐT Long Vân - Long Mỹ giai đoạn 1 (Khu A1)	ODT	TP Quy Nhơn	19,40	19,40	6,00	-	6,00	-	13,40	-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
109	Khu dân cư Khu vực 8 - P.Trần Quang Diệu	ODT	TP Quy Nhơn	6.23	6.00		-	-	-	3,80	2,20		-	-	-	-	-	-	-	0.23	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,23	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
110	Chỉnh tuyến Quốc lộ 1A và đường gom phục vụ "Dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam qua địa bàn thành phố Quy Nhơn"	DGT	TP Quy Nhơn	1,93	0,90		-	-	-	-	0,90		-	-	-	-	-	-	-	1,03	-	-	-	-	-	-	-	-	0,30	0,30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,50	-	-	-	-	0,23	-	-		-	-	-	
111	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa	DGT	TP Quy Nhơn	15.03	11.59	3.41	2.56	0.85	-	4.57	3.61		-	-	-	-	-	-	-	3.29	-	-	-	-	-	0,04	-	-	3.04	1,34	0,44	-	-	0,12	-	-	-	-	-	-	0,03	1,07	-	-	0,04	-	-	-	-	0,16	-	0,04	-	0,01	-	-	-	0,15	0,15	-	-	
112	Dự án đường Long Vân - Gò Tù	DGT	TP Quy Nhơn	3.60	1.46	0.89	0.89	-	-	0.57	-		-	-	-	-	-	-	-	2.04	-	-	-	-	-	-	-	-	0,30	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,20	-	-	-	-	-	-	-	1,34	-	-	-	-	0,40	-	-	0,10	0,10	-	-	
113	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường dọc Bãi biển Nhơn Châu (dài 720m)	DGT	TP Quy Nhơn	0,30			-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,30	0,30	-	-	
114	Tuyến đường hẻm phía Nam trụ sở UBND xã Nhơn Hải (Đoạn từ Dinh Bà Cố thông ra tuyến đường dọc kè biển Nhơn Hải) Thuộc điểm số 4 - HTKT khu dân cư Trung tâm xã Nhơn Hải	DGT	TP Quy Nhơn	0,05			-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	0,05	-	-	-	-	-	-	-	-	0,01	-	-	-	-	-	-	-	0,01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02	-	0,01	-	-	0,01	-	-	-		-	-	-	
115	Trường Mầm non Hoa Hồng	DGD	TP Quy Nhơn	0.12			-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	0.12	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,09	-	-	-	0,03	-	-	-		-	-	-	
116	Xây dựng trường tiểu học Trần Quốc Tuấn	DGD	TP Quy Nhơn	0.44			-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	0.44	-	-	-	-	-	0,44	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
117	Trung tâm đào tạo nghề và cung ứng lao động đi nước ngoài tại khu Đô thị Long Vân, phường Trần Quang Diệu (đấu thầu)	DGD	TP Quy Nhơn	2,02			-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	2,02	-	-	-	-	-	-	-	-	2,02	-	-	-	-	2,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
118	Mở rộng trường tiểu học & THCS Nhơn Hải (Thuộc quy hoạch: Xây dựng điểm số 3, thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu dân cư Trung tâm xã Nhơn Hải)	DGD	TP Quy Nhơn	0,06			-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	0,06	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,06	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
119	Trường Mầm non xã Nhơn Hải (Thuộc quy hoạch: Xây dựng điểm số 3, thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu dân cư Trung tâm xã Nhơn Hải)	DGD	TP Quy Nhơn	0,16			-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,16	0,16	-	-	
120	Trung tâm Thể dục thể thao xã Nhơn Hải (Thuộc quy hoạch: Xây dựng điểm số 3, thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu dân cư Trung tâm xã Nhơn Hải)	DTT	TP Quy Nhơn	0,81	0,20		-	-	-	-	0,20		-	-	-	-	-	-	-	0,61	-	-	-	-	-	-	-	-	0,61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
121	Quy hoạch khu xử lý rác thải xã Nhơn Châu	DRA	TP Quy Nhơn	0.68	0.68		-	-	-	-	-	0,68	0,68	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
122	Chợ Phước Mỹ	DCH	TP Quy Nhơn	0.40	0.40		-	-	-	-	0,40		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
123	Chợ khu vực 2, phường Ghềnh Ráng	DCH	TP Quy Nhơn	0.10	0.10		-	-	-	0,10	-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
124	Trụ sở sinh hoạt nhân dân Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng	DSH	TP Quy Nhơn	0.10	0.10		-	-	-	0,10	-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
125	Quy hoạch nhà tránh, trú bão cho nhân dân thôn Trung	DSH	TP Quy Nhơn	0.02	0.02		-	-	-	-	-	0.02	0,02	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
126	Khu Đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa Hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software (Đăng ký lại KH2022 theo tên chủ trương đầu tư mới)	TMD	TP Quy Nhơn	16,31	13,51	1,48	-	1,48	-	3,21	8,82		-	-	-	-	-	-	-	2,80	-	-	-	-	-	-	-	-	1,53	0,79	0,44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,30	-	-	-	-	-	-	-	1,27	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
127	Mỏ đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư 02 thuộc Khu Đô thị - Du lịch - Văn hóa - Thể thao hồ Phú Hòa và Dự án môi trường bền vững TP Quy Nhơn tại mỏ đất QN03, phường Bùi Thị Xuân (KH23 là 2,00 ha, Đã có HĐ thuê đất năm 2023 là 0,77 ha;)	SKX	TP Quy Nhơn	2,00	2,00		-	-	-	-	-	2,00	2,00	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
	TỔNG CỘNG (I+II)			**1.153,85**	**838,88**	**341,51**	**318,64**	**22,87**	**-**	**119,89**	**198,60**	**154,45**	**20,70**	**-**	**133,76**	**-**	**15,06**	**8,95**	**0,42**	**238,50**	**0,71**	**0,56**	**-**	**7,17**	**0,01**	**9,16**	**-**	**14,36**	**91,39**	**48,09**	**11,24**	**0,63**	**8,42**	**2,67**	**-**	**0,97**	**0,01**	**-**	**-**	**-**	**0,05**	**19,27**	**-**	**-**	**0,04**	**-**	**-**	**0,67**	**12,70**	**9,93**	**1,57**	**1,11**	**0,32**	**0,10**	**79,54**	**7,87**	**0,04**	**76,47**	**35,84**	**40,63**	**-**	